

Số: 135/2021/QĐST- HNGĐ

Ninh Bình, ngày 02 tháng 11 năm 2021

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

* Căn cứ vào hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 216/2020/TLST- HNGĐ ngày 09 tháng 10 năm 2020 giữa:

- **Nguyên đơn:** Bà Nguyễn Thị Y, sinh năm 1957; Địa chỉ: phố T, phường B, thành phố N, tỉnh Ninh Bình;

Người đại diện theo ủy quyền của bà Nguyễn Thị Y: Bà Nguyễn Thị Hồng H, sinh năm 1983. Địa chỉ: xã L, huyện Đ, thành phố Hà Nội. (Hợp đồng ủy quyền ngày 23/6/2021).

- **Bị đơn:** Ông Trần Phong B, sinh năm 1955; Địa chỉ: phố T, phường B, thành phố N, tỉnh Ninh Bình;

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông B: Ông Phạm Hồng Q - Luật sư Công ty luật TNHH H thuộc Đoàn luật sư thành phố Hà Nội; Địa chỉ liên hệ: phố D, phường H, quận C, Hà Nội.

- **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

+ Công ty TNHH SXTM Q; Địa chỉ trụ sở chính: phố T, phường B, thành phố N, tỉnh Ninh Bình;

Người đại diện theo pháp luật: Ông Trần Phong B - Chủ tịch Hội đồng thành viên kiêm giám đốc;

+ Anh Trần Văn K, sinh năm 1984;

+ Chị Trịnh Thị Ph, sinh năm 1985;

Chị Ph và anh K cùng địa chỉ: phố B, phường B, thành phố N, tỉnh Ninh Bình.

+ Ủy ban nhân dân thành phố N, tỉnh Ninh Bình; Địa chỉ: Đường L, phường Th, thành phố N, tỉnh Ninh Bình;

Người đại diện theo pháp luật: ông Đinh Văn T - chủ tịch; Người đại diện theo ủy quyền: ông Lê Tiến D - Trưởng phòng Tài nguyên môi trường thành phố N. (Quyết định về việc ủy quyền tham gia tố tụng vụ án dân sự ngày 22/10/2021);

+ Ngân hàng thương mại cổ phần C; Địa chỉ trụ sở chính: phố T, phường C, quận H, Thành phố Hà Nội;

Người đại diện theo pháp luật: ông Lê Đức Th - Chủ tịch Hội đồng quản trị;
Người đại diện theo ủy quyền: bà Hoàng Thị Mỹ L, Trưởng phòng tổng hợp Ngân hàng TMCP C - chi nhánh N. Địa chỉ: phường V, thành phố N, tỉnh Ninh Bình. (Văn bản ủy quyền ngày 11/5/2021).

- Căn cứ vào Điều 147; Điều 212 và 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;
- Căn cứ vào các Điều 55; 59 của Luật Hôn nhân và gia đình.
- Căn cứ vào Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.
- Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 25 tháng 10 năm 2021.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 25 tháng 10 năm 2021 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

I. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Bà Nguyễn Thị Y và ông Trần Phong B.

II. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

1) *Về quan hệ hôn nhân*: Bà Nguyễn Thị Y và ông Trần Phong B thống nhất thuận tình ly hôn.

2) *Về con chung*: Bà Y, ông B đều xác định vợ chồng có 4 con chung là Trần Thị L, sinh năm 1980; Trần Thị H, sinh năm 1981; Trần Văn K, sinh năm 1984 và Trần Thị L1, sinh năm 1986; hiện nay các con đều đã trưởng thành, có gia đình riêng nên ông B bà Y không đề nghị Tòa án giải quyết.

3) *Về tài sản chung*:

a) Bà Nguyễn Thị Y và ông Trần Phong B thống nhất thoả thuận phân chia tài sản chung như sau:

* Ông Trần Phong B sở hữu 01 xe ô tô con màu đen nhãn hiệu TOYOTA CAMRY, BKS A và có trách nhiệm thanh toán chênh lệch tài sản cho bà Nguyễn Thị Y số tiền

200.000.000 đồng (Hai trăm triệu đồng). Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô ông B đang giữ.

* Ông Trần Phong B thanh toán lại cho bà Y 1/2 số tiền chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản là 8.500.000 đồng (tám triệu năm trăm nghìn).

* Bà Nguyễn Thị Y được nhận số tiền 200.000.000 đồng (Hai trăm triệu đồng) thanh toán chênh lệch chiếc xe ô tô BKS A và số tiền 8.500.000 đồng (tám triệu năm trăm nghìn) chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản từ ông Trần Phong B.

Ông B thanh toán toàn bộ số tiền 208.500.000 đồng (Hai trăm linh tám triệu năm trăm nghìn đồng) cho bà Y vào ngày 02/11/2021 và bà Y có trách nhiệm bàn giao giấy tờ là hợp đồng ủy quyền (xe ô tô) ngày 25/02/2013 cho ông B.

Ngày 02/11/2021 bà Y đã nhận đủ số tiền 208.500.000 đồng (Hai trăm linh tám triệu năm trăm nghìn đồng) do ông B thanh toán; Ông B đã nhận giấy tờ là hợp đồng ủy quyền (xe ô tô) ngày 25/02/2013 do bà Y giao lại.

* Về phân chia quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất tại thửa đất số 76, tờ bản đồ số 39, diện tích 41,7m², Địa chỉ thửa đất: phố T, phường B, thành phố N đã được UBND thành phố N cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BV320987, ngày 14/01/2015 mang tên ông Trần Phong B và bà Nguyễn Thị Y; Thửa đất số 77.2, tờ bản đồ số 39, diện tích 90,7m², địa chỉ thửa đất: Quốc lộ 10, phố T, phường B, thành phố N đã được UBND thành phố Ninh Bình cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AG 359564, ngày 25/4/2007 mang tên ông Trần Phong B và bà Nguyễn Thị Y; Thửa đất số 77.1, tờ bản đồ số 39, diện tích 597,5m² (đất ở là 272m², đất vườn là 325,3m²), địa chỉ thửa đất: phố T, phường B, thành phố N, tỉnh Ninh Bình, đã được UBND thành phố N cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AI 742375, ngày 11/5/2007 mang tên ông Trần Phong B và bà Nguyễn Thị Y; Thửa đất số 114, tờ bản đồ số 39, diện tích 166m², trên đất có ngôi nhà 2 tầng, địa chỉ thửa đất: Quốc lộ 10, phố T, phường B, thành phố N, tỉnh Ninh Bình, đã được UBND thành phố N cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AQ 149600, ngày 08/01/2010 mang tên ông Trần Phong B và bà Nguyễn Thị Y như sau:

- Bà Y sở hữu ngôi nhà 3 tầng, tài sản khác gắn liền với đất và quyền sử dụng toàn bộ thửa đất số 76; có vị trí kích thước: phía đông giáp thửa 77.2 kích thước 7,2m; phía tây giáp đường ngõ kích thước 6,3m; phía nam giáp đường Nguyễn Công Trứ kích thước 6,16m; phía bắc giáp thửa 75 kích thước 6,24m;

Và quyền sử dụng một phần thửa đất số 77.2 là 46,2m²; vị trí, kích thước, mốc giới đất được xác định bởi mốc A, B, Z, C, J, N; + quyền sử dụng một phần diện tích đất ở của thửa đất số 77.1 là 76,2m², vị trí, kích thước, mốc giới đất được xác định bởi mốc C, D, E, J.

- Ông B được quyền sử dụng 1 phần thửa đất số 77.2 diện tích 44,5m², vị trí, kích thước, mốc giới đất được xác định bởi mốc N, J, Đ, X; + quyền sử dụng một phần thửa đất số 77.1 diện tích 521,3 m² {trong đó 196m² đất ở (13,4m² + 182,6m²) và 325,3 m² đất vườn) ; đất ở có vị trí, kích thước, mốc giới được xác định bởi các mốc: X, Đ, J, E, F, Q, S, Y; đất vườn có vị trí, kích thước, mốc giới được xác định bởi các mốc: Q, F, G, M, H, I, T, U, Ǻ, Ǻ, Ô, P.

Và được quyền sở hữu ngôi nhà 2 tầng, tài sản khác gắn liền với đất và quyền sử dụng toàn bộ thửa đất số 114 diện tích 166m² (đất ở 45,2m², đất vườn 120m²); có vị trí kích thước: phía đông giáp thửa 79 kích thước gồm các cạnh 12,08 m và 26,48m; phía tây giáp thửa 113, thửa 77.1 và thửa 77 kích thước gồm các đoạn 7.0m , 0,67m, 4,81m, 0,68m, 0,95m, 12,54m, 1,64m, 1,2m, 5,84m, 2,23m, 1,28m, 0,29m; phía nam giáp đường Nguyễn Công Trứ kích thước 4,8m; phía bắc giáp thửa 106 kích thước 9,34m);

(có sơ đồ kèm theo).

Ông B, bà Y không phải thanh toán tiền chênh lệch về giá trị quyền sử dụng đất và tài sản trên đất cho nhau.

Trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày Tòa án ra quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự ông Trần Phong B bà Nguyễn Thị Y có trách nhiệm bàn giao quyền sử dụng đất, nhà ở và các tài sản khác gắn liền với đất cho nhau theo thỏa thuận trên.

* Ông Trần Phong B, bà Nguyễn Thị Y tặng cho anh Trần Văn K quyền sử dụng thửa đất số 52, tờ bản đồ số 39, diện tích 273,5m² và toàn bộ nhà ở và các tài sản gắn liền với đất; địa chỉ thửa đất: phố B, phường B, thành phố N, tỉnh Ninh Bình, đã được UBND thành phố N cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CA461590 ngày 12/8/2015 mang tên ông Trần Phong B bà Nguyễn Thị Y (diện tích đất theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là 269,9m², theo biên bản xem xét thẩm định tại chỗ của Tòa án là 273,5m² tăng 3,6m²; UBND thành phố N đã công nhận đối với diện tích đất tăng 3,6m²).

Anh Trần Văn K đồng ý nhận quyền sử dụng thửa đất số 52, tờ bản đồ số 39, diện tích 273,5m² và toàn bộ nhà ở và các tài sản gắn liền với đất; địa chỉ thửa đất: phố B, phường B, thành phố N, tỉnh Ninh Bình mà ông Trần Phong B và bà Nguyễn Thị Y đã tặng cho.

Vị trí, kích thước, mốc giới thửa đất số 52 được xác định theo sơ đồ (có sơ đồ kèm theo).

Ông B, bà Y có trách nhiệm liên hệ với Ngân hàng TMCP C, chi nhánh N làm thủ tục giải chấp, xóa đăng ký thế chấp để lấy 4 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất gồm: giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AG 359564, cấp ngày 25/4/2007; giấy

chứng nhận quyền sử dụng đất số AI 742375, cấp ngày 11/5/2007; giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AQ 149600, cấp ngày 08/01/2010; giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CA461590, cấp ngày 12/8/2015 đều mang tên ông Trần Phong B bà Nguyễn Thị Y về.

- Các bên có trách nhiệm liên hệ với cơ quan nhà nước có thẩm quyền để thực hiện các thủ tục xác lập quyền sở hữu nhà, quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật.

* Về công nợ chung: ông B, bà Y đều xác định không có nên không đề nghị Tòa án giải quyết.

4) Công ty TNHH SXTM Q có trách nhiệm tự tháo dỡ toàn bộ nhà xưởng 776,7m² và di chuyển các tài sản của Công ty nằm trong phần đất của bà Y ông B tại các thửa đất số 77.2, thửa 77.1 và thửa 114 trong thời hạn 01 (một) tháng kể từ ngày Tòa án ra quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự để trả lại đất cho ông Trần Phong B và bà Nguyễn Thị Y.

5) Ngân hàng thương mại cổ phần C, chi nhánh Ninh Bình trả lại 04 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mà Ngân hàng đang giữ cho ông B bà Y đồng thời hỗ trợ xóa đăng ký thế chấp những tài sản trên khi có yêu cầu giải chấp/xuất tài sản của ông Trần Phong B bà Nguyễn Thị Y.

6) Ủy ban nhân dân thành phố N xác định diện tích các thửa đất số 76, thửa 77.1, thửa 114 đo đạc thực địa của Tòa án tại biên bản xem xét thẩm định tại chỗ phù hợp với giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho ông Trần Phong B bà Nguyễn Thị Y tuy nhiên kích thước một số cạnh so với giấy chứng nhận quyền sử dụng đất có sai số; Việc xác định vị trí, kích thước, diện tích đất ở, đất vườn đối với thửa đất số 77.1 xác định theo biên bản xem xét thẩm định tại chỗ là phù hợp với vị trí đất ở đất vườn trên các thế hệ bản đồ lập năm 1998 và bản đồ lập năm 2017. Thửa đất số 52 diện tích đo đạc thực địa của Tòa án tại biên bản xem xét thẩm định tại chỗ 273,5m² tăng 3,6m² so với giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp là 269,9m². UBND thành phố đồng ý lấy kết quả xem xét thẩm định tại chỗ của Tòa án nhân dân thành phố N làm căn cứ để Tòa án giải quyết vụ án.

7) Về án phí: Do ông B bà Y là người cao tuổi, có đơn xin miễn án phí và được Tòa án chấp nhận nên Miễn toàn bộ án phí thuận tình ly hôn và chia tài sản cho ông Trần Phong B và bà Nguyễn Thị Y.

Bà Nguyễn Thị Y thuộc trường hợp được miễn nộp tiền tạm ứng án phí nên không phải xem xét trả lại.

III. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Ninh Bình;
- VKSND tỉnh Ninh Bình;
- VKSND. TPNB;
- Chi cục THA TPNB;
- UBND phường N, TPNB;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu án văn./.

THẨM PHÁN

(Đã ký)

Giang Thị Thúy Thu